

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án tinh giản biên chế
của UBND huyện Tuy Phước đến năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của UBND huyện Tuy Phước tại Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 29/10/2015 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 431/TTr-SNV ngày 16/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của UBND huyện Tuy Phước đến năm 2021 với những nội dung chính như sau:

1. Chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) được giao năm 2015: 2.132 biên chế (công chức: 94 biên chế, sự nghiệp: 2.038 biên chế).

2. Chỉ tiêu biên chế công chức, sự nghiệp thực hiện tinh giản đến năm 2021: 214 biên chế (tương ứng tỉ lệ giảm 10%; trong đó: công chức: 09 biên chế, sự nghiệp: 205 biên chế)

(Kế hoạch tinh giản biên chế và đối tượng thực hiện từng năm cụ thể theo Phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chỉ tiêu biên chế thực hiện tinh giản nêu trên của UBND huyện Tuy Phước được đưa vào tổng chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc

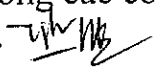
(biên chế sự nghiệp) phải thực hiện tinh giản của tỉnh từ năm 2015 đến năm 2021 theo quy định của Chính phủ; được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Điều 3. Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế của UBND huyện Tuy Phước theo các nội dung đã được phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền được giao; công khai Đề án tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động biết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ quan.

- Hàng năm có kế hoạch rà soát, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ của cơ quan; thực hiện đánh giá, phân loại, đưa ra khỏi biên chế những người không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu công việc, không đạt yêu cầu tiêu chuẩn quy định về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn...mà không thể sắp xếp bố trí công tác khác để thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.

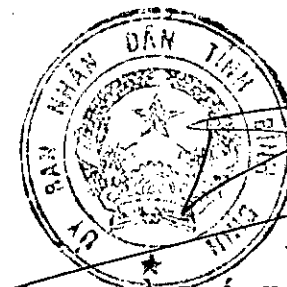
- Báo cáo tình hình thực hiện Đề án tinh giản biên chế, kế hoạch tinh giản biên chế từng năm cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi và quản lý theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, K12. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục số 1
KẾ HOẠCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
HÀNH CHÍNH - SƯ NGHIỆP CỦA UBND HUYỆN TUY PHƯỚC ĐẾN NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 2409 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tính giảm theo Đề án		Dự kiến tính giảm từng năm						Biên chế giảm đến năm 2021
				Tổng số	Tỉ lệ %	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	TỔNG CỘNG (I + II)	2132		-214	10	-42	-38	-32	-33	-37	-32	1918
I	Cơ quan hành chính	94		-9	10		-3	-2	-1	-2	-1	85
1	Văn phòng HĐND và UBND	19		-2						-1	-1	
2	Phòng Nội vụ	10		-1			-1					
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9		-1				-1				
4	Phòng Lao động TB và XH	8		-2			-1			-1		
5	Phòng Nông nghiệp và PTNT	9										
6	Phòng Tư pháp	5										
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7										
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4		-1			-1					
9	Phòng Y tế	3										
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9		-1				-1				
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	5										
12	Thanh tra	6		-1					-1			

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giảm theo Đề án		Dự kiến tình giảm từng năm						Biên chế giảm đến năm 2021
				Tổng số	Tỉ lệ %	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
II	Đơn vị sự nghiệp	2038		-205	10	-42	-35	-30	-32	-35	-31	1833
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao	11		-2		-2						
2	Đài Truyền thanh	9		-1						-1		
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất	11		-1						-1		
4	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	6										
5	Ban QL Cụm công nghiệp và dịch vụ	5										
6	Trạm Khuyến nông	5										
7	Hội Chữ thập đỏ	4		-2		-2						
8	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1										
9	Phòng Y tế	1										
10	Các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo	1985		-199		-38	-35	-30	-32	-33	-31	

Phụ lục số 2
KẾ HOẠCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG CỦA HUYỆN TUY PHƯỚC ĐẾN NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số **2109/QĐ-UBND** ngày **22** tháng **6** năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tính giảm theo Đề án		Phân theo đối tượng					Biên chế giảm đến năm 2021
				Tổng số	Tỉ lệ %	Nghỉ hưu đúng tuổi	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang tổ chức khác	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	TỔNG CỘNG (I + II):	2132		-214	10	-197	-17				1918
I	Cơ quan hành chính	94		-9	10	-6	-3				85
1	Văn phòng HĐND và UBND	19		-2		-1	-1				
2	Phòng Nội vụ	10		-1			-1				
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9		-1		-1					
4	Phòng Lao động - TB và XH	8		-2		-1	-1				
5	Phòng Nông nghiệp và PTNT	9									
6	Phòng Tư pháp	5									
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7									
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4		-1		-1					
9	Phòng Y tế	3									
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9		-1		-1					
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	5									
12	Thanh tra	6		-1		-1					
II	Đơn vị sự nghiệp	2038		-205	10	-191	-14				1833
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao	11		-2		-1	-1				
2	Đài Truyền thanh	9		-1		-1					
3	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	11		-1			-1				

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giảm theo Đề án		Phân theo đối tượng					Biên chế giảm đến năm 2021
				Tổng số	Tỉ lệ %	Nghỉ hưu đúng tuổi	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang tổ chức khác	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
4	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	6									
5	Ban QL Cụm công nghiệp và dịch vụ	5									
6	Trạm Khuyến nông	5									
7	Hội Chữ thập đỏ	4		-2			-2				
8	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1									
9	Phòng Y tế	1									
10	Các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo	1985		-199		-189	-10				